

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
SÀI GÒN - HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
đã được soát xét**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-28

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62-GPĐC-UBCK ngày 23/11/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Nguyễn Công Sử	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/04/2012

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông Lương Đức Chính	Ủy viên	
Ông Vũ Đức Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2012

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Đình Lợi**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2012



Số: 933 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 10 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

**Vũ Xuân Biền**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.292.266.619.386</b>	<b>1.083.455.889.893</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>113.075.835.768</b>	<b>153.344.465.161</b>
111	1. Tiền		113.075.835.768	153.344.465.161
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>620.293.417.225</b>	<b>374.714.830.140</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		731.063.971.596	546.879.387.725
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(110.770.554.371)	(172.164.557.585)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>456.902.053.992</b>	<b>419.790.513.677</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		335.000.000	351.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		769.773.190	9.247.701.828
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		561.367	-
138	5. Các khoản phải thu khác	6	548.301.477.717	518.792.022.291
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(92.504.758.282)	(108.600.710.442)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>221.203.251</b>	<b>80.486.940</b>
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>101.774.109.150</b>	<b>135.525.593.975</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		750.508.749	323.283.637
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	88.835.151.871	123.013.861.808
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>91.930.003.399</b>	<b>93.038.227.041</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>13.926.346.812</b>	<b>16.866.536.590</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.704.196.141	6.120.395.954
222	- Nguyên giá		16.142.968.042	16.122.552.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.438.771.901)	(10.002.156.106)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	9.222.150.671	10.746.140.636
228	- Nguyên giá		18.980.729.138	18.710.729.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.758.578.467)	(7.964.588.502)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>66.306.000.000</b>	<b>66.306.000.000</b>
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		66.900.000.000	66.900.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(594.000.000)	(594.000.000)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.697.656.587</b>	<b>9.865.690.451</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.366.980.584	6.830.839.546
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.764.175.527	2.301.929.567
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.566.500.476	732.921.338
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.384.196.622.785</b>	<b>1.176.494.116.934</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>609.855.677.461</b>	<b>433.202.777.332</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>609.714.530.645</b>	<b>433.061.630.516</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	290.000.000.000	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		65.559.020	73.073.451
313	3. Người mua trả tiền trước		1.144.000.000	1.266.849.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	485.229.408	260.781.100
315	5. Phải trả người lao động		1.339.931.753	1.152.610.250
316	6. Chi phí phải trả	17	38.371.565.705	19.739.735.489
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	276.942.964.879	158.564.326.971
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		4.031.600	222.908.779
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		597.164.553	455.364.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		711.868.366	1.298.068.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		52.215.361	27.913.110
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>141.146.816</b>	<b>141.146.816</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		116.146.816	116.146.816
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>774.340.945.324</b>	<b>743.291.339.602</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>774.340.945.324</b>	<b>743.291.339.602</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.184.218.328)	(378.233.824.050)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.384.196.622.785</b>	<b>1.176.494.116.934</b>


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		3.113.354.620.000	2.790.827.910.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.210.048.750.000	1.821.130.210.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		79.480.340.000	109.915.160.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.130.568.410.000	1.711.215.050.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		578.823.870.000	660.957.000.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		75.000.000.000	170.000.010.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		503.823.870.000	490.956.990.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		271.800.000.000	275.717.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		251.800.000.000	17.600.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		20.000.000.000	258.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		51.396.900.000	33.023.300.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		5.235.000.000	1.993.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		46.161.900.000	31.030.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		1.285.100.000	-
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		1.285.100.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	55.424.990.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	40.256.680.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	40.256.680.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	15.111.310.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	15.111.310.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	57.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	57.000.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		16.218.280.000	16.304.280.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		207.670.190.000	216.010.850.000




Trần Sỹ Tiên   
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	<b>20</b>	<b>107.328.959.127</b>	<b>95.967.404.826</b>
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		13.927.507.655	3.451.344.604
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		46.355.943.160	23.372.355.212
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		448.063.636	1.690.351.207
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		802.191.394	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		611.710	87.933.307
01.9	Doanh thu khác		45.794.641.572	67.365.420.496
02	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>20</b>	<b>63.231.823</b>	<b>17.342.004</b>
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>107.265.727.304</b>	<b>95.950.062.822</b>
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>21</b>	<b>75.431.424.677</b>	<b>334.178.313.365</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>31.834.302.627</b>	<b>(238.228.250.543)</b>
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	792.131.198	144.002.368.994
30	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>31.042.171.429</b>	<b>(382.230.619.537)</b>
31	8. Thu nhập khác		7.444.326	1.227.637
32	9. Chi phí khác		10.033	-
40	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>7.434.293</b>	<b>1.227.637</b>
50	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>31.049.605.722</b>	<b>(382.229.391.900)</b>
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>31.049.605.722</b>	<b>(382.229.391.900)</b>
70	<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>24</b>	<b>311</b>	<b>(3.828)</b>




Trần Sỹ Tiên  
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.049.605.722	(382.229.391.900)
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.431.844.079	3.948.961.245
03	- Các khoản dự phòng		(77.489.955.374)	212.469.802.125
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.056.109.906)	(30.354.362.767)
06	- Chi phí lãi vay		44.802.512.541	40.098.307.743
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(26.262.102.938)	(156.066.683.554)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.809.628.322	288.999.150.119
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(184.325.300.182)	161.747.622.671
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		117.290.017.663	(218.650.751.459)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		36.633.850	(1.532.503.445)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(24.853.430.075)	(24.827.727.368)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		254.167.813	1.227.637
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.419.779.138)	(429.172.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(107.470.164.685)	49.241.162.101
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(745.822.114)	(1.012.508.034)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	135.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.947.357.406	32.203.160.825
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.201.535.292	164.190.652.791
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		797.000.000.000	186.116.024.580
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(757.000.000.000)	(468.616.024.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.862.047.351)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40.000.000.000	(314.362.047.351)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.268.629.393)	(100.930.232.459)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		153.344.465.161	249.789.096.622
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>113.075.835.768</u>	<u>148.858.864.163</u>



Trần Sỹ Tiến  
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
Vốn khác của chủ sở hữu	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ	(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(378.233.824.050)	31.049.605.722	-	(347.184.218.328)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19 743.291.339.602</b>	<b>31.049.605.722</b>	<b>-</b>	<b>774.340.945.324</b>

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	108.232.552.000	-	-	108.232.552.000
Vốn khác của chủ sở hữu	5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Cổ phiếu quỹ	(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	5.356.947.980	2.063.607.846	-	7.420.555.826
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.125.266.033	(382.229.391.900)	(39.898.408.830)	(379.002.534.697)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.160.521.713.993</b>	<b>(378.102.176.208)</b>	<b>(39.898.408.830)</b>	<b>742.521.128.955</b>




Trần Sỹ Tiên  
Kế toán trưởng

Hoàng Đình Lợi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh lần cuối số 62-GPĐC-UBCK ngày 23/11/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 141 - 143 - Hàm Nghi - Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

1170  
NG T  
HIỆM H  
VỤ TU  
NH KẾ T  
ỀM TO  
VIỆM -

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

### Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%
- Quỹ dự trữ bắt buộc	5%

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>76.135.090</b>	<b>900.396.723.000</b>
- Cổ phiếu	76.111.460	900.262.395.000
- Chứng chỉ quỹ	23.630	134.328.000
<b>Của người đầu tư</b>	<b>680.668.412</b>	<b>8.168.412.228.700</b>
- Cổ phiếu	675.405.462	7.937.461.328.700
- Trái phiếu	2.000.000	217.769.580.000
- Chứng chỉ quỹ	3.262.950	13.181.320.000
	<b>756.803.502</b>	<b>9.068.808.951.700</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>113.075.835.768</b>	<b>153.344.465.161</b>
- Tiền mặt tại quỹ	47.862.745	153.026.429
- Tiền gửi ngân hàng	7.387.970.497	101.042.877.842
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	104.782.594.483	50.903.130.481
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	857.408.043	1.245.430.409
	<b>113.075.835.768</b>	<b>153.344.465.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>731.063.971.596</b>	<b>546.879.387.725</b>
- Chứng khoán niêm yết	501.815.880.202	392.632.701.681
- Chứng khoán đăng ký giao dịch công ty đại chúng	2.034.350	629.000
- Chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	229.246.057.044	154.246.057.044
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)</b>	<b>(110.770.554.371)</b>	<b>(172.164.557.585)</b>
	<b><u>620.293.417.225</u></b>	<b><u>374.714.830.140</u></b>

(\*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	28.381.485.485	31.156.617.857
Phải thu hợp đồng margin	461.713.902.625	423.258.078.486
Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	18.522.209.336	19.680.448.177
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	1.020.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi đầu tư khác	26.793.415.018	26.484.662.518
Phải thu khác	12.070.465.253	17.192.215.253
	<b><u>548.301.477.717</u></b>	<b><u>518.792.022.291</u></b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	221.203.251	80.486.940
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>221.203.251</u></b>	<b><u>80.486.940</u></b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	<b><u>12.188.448.530</u></b>	<b><u>12.188.448.530</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	88.773.763.371	122.952.473.308
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	61.388.500	61.388.500
	<b>88.835.151.871</b>	<b>123.013.861.808</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	12.276.112.214	3.294.576.582	551.863.264	16.122.552.060
Số tăng trong kỳ	20.990.000	-	200.664.301	221.654.301
- Mua sắm mới	20.990.000	-	200.664.301	221.654.301
Số giảm trong kỳ	(33.338.950)	(167.899.369)	-	(201.238.319)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	(167.899.369)	-	(179.238.319)
Số dư cuối kỳ	<u>12.263.763.264</u>	<u>3.126.677.213</u>	<u>752.527.565</u>	<u>16.142.968.042</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	7.998.813.189	1.706.780.747	296.562.170	10.002.156.106
Số tăng trong kỳ	1.279.140.567	274.402.772	84.310.775	1.637.854.114
- Trích khấu hao	1.279.140.567	274.402.772	84.310.775	1.637.854.114
Số giảm trong kỳ	(33.338.950)	(167.899.369)	-	(201.238.319)
- Thanh lý, nhượng bán	(22.000.000)	-	-	(22.000.000)
- Giảm khác	(11.338.950)	(167.899.369)	-	(179.238.319)
Số dư cuối kỳ	<u>9.244.614.806</u>	<u>1.813.284.150</u>	<u>380.872.945</u>	<u>11.438.771.901</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu kỳ	<u>4.277.299.025</u>	<u>1.587.795.835</u>	<u>255.301.094</u>	<u>6.120.395.954</u>
Số dư cuối kỳ	<u>3.019.148.458</u>	<u>1.313.393.063</u>	<u>371.654.620</u>	<u>4.704.196.141</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	18.710.729.138	18.710.729.138
Số tăng trong kỳ	270.000.000	270.000.000
- Mua sắm mới	270.000.000	270.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>18.980.729.138</u>	<u>18.980.729.138</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	7.964.588.502	7.964.588.502
Số tăng trong kỳ	1.793.989.965	1.793.989.965
- Trích khấu hao	1.793.989.965	1.793.989.965
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>9.758.578.467</u>	<u>9.758.578.467</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu kỳ	<u>10.746.140.636</u>	<u>10.746.140.636</u>
Số dư cuối kỳ	<u>9.222.150.671</u>	<u>9.222.150.671</u>

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	66.900.000.000	66.900.000.000
- Chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	66.900.000.000	66.900.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>(594.000.000)</b>	<b>(594.000.000)</b>
	<u>66.306.000.000</u>	<u>66.306.000.000</u>

(\*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	854.911.903	1.163.625.929
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	3.028.506.968	1.930.041.186
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.483.561.713	3.737.172.431
	<u>6.366.980.584</u>	<u>6.830.839.546</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.364.377.161	2.111.475.846
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	279.798.366	70.453.721
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.764.175.527</b>	<b>2.301.929.567</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>40.000.000.000</b>	-
- Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên <sup>(1)</sup>	40.000.000.000	-
<b>Nợ ngắn hạn (trái phiếu SHS) <sup>(2)</sup></b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
	<b>290.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1701 - LDS - 201200453 ngày 14 tháng 05 năm 2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 40.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh ký quỹ chứng khoán và cung cấp các dịch vụ đòn bẩy tài chính cho nhà đầu tư;
  - + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày 15/05/2012 đến 15/08/2012;
  - + Lãi suất cho vay: 19%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã Chứng khoán SHS) thuộc sở hữu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội với tỉ lệ cho vay theo quy định của Eximbank và các tài sản khác được Eximbank chấp nhận.
- (2) Hợp đồng mua Trái phiếu SHS\_BOND.350.2011 đáo hạn năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội số 293/2011/SHS/TV-MBTP ngày 30/09/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, với các thông tin chi tiết như sau:
- Loại Trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo
  - Mã trái phiếu: SHS\_BOND.350.2011
  - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
  - Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
  - Giá trị trái phiếu phát hành: 250.000.000.000 VND
  - Số lượng trái phiếu phát hành: 250 trái phiếu
  - Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
  - Giá phát hành: 1.000.000.000 VND/trái phiếu
  - Lãi suất trái phiếu: Điều chỉnh 6 tháng một lần, sáu tháng đầu lãi suất 18%/năm; 6 tháng sau lãi suất thỏa thuận theo thị trường, tối thiểu 18%/năm.
  - Thanh toán lãi trái phiếu: Trả lãi cuối kỳ
  - Kỳ hạn trái phiếu: 1 năm kể từ ngày phát hành

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.659.233	26.315.482
Thuế Thu nhập cá nhân	474.570.175	234.465.618
	<u><b>485.229.408</b></u>	<u><b>260.781.100</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	37.718.982.845	17.769.900.379
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	398.116.289	690.840.889
Chi phí phải trả khác	254.466.571	1.278.994.221
	<u><b>38.371.565.705</b></u>	<u><b>19.739.735.489</b></u>

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	25	-
Kinh phí công đoàn	35.246.970	35.959.730
Bảo hiểm xã hội	265.909.920	6.971.800
Bảo hiểm y tế	52.556.310	1.447.158
Bảo hiểm thất nghiệp	22.334.560	396.366
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	274.060.306.667	156.440.803.570
Phải trả cổ tức cho cổ đông	338.310.369	338.310.369
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.168.300.058	1.740.437.978
	<u><b>276.942.964.879</b></u>	<u><b>158.564.326.971</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>1.000.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>1.000.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	34.945.750.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>34.945.750.000</i>

**b) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>155.000</i>	<i>155.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>99.845.000</i>	<i>99.845.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>107.328.959.127</b>	<b>95.967.404.826</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	13.927.507.655	3.451.344.604
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	46.355.943.160	23.372.355.212
- Doanh thu hoạt động tư vấn	448.063.636	1.690.351.207
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	802.191.394	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	611.710	87.933.307
- Doanh thu khác	45.794.641.572	67.365.420.496
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(63.231.823)</b>	<b>(17.342.004)</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>107.265.727.304</b>	<b>95.950.062.822</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.177.559.197	473.931.345
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	69.898.202.528	188.223.982.934
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	280.000.000
Chi phí hoạt động tư vấn	937.535.807	612.823.133
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	822.204.699	531.323.283
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(61.394.003.214)	87.760.030.741
Chi phí khác	47.776.208.942	40.098.307.743
Chi phí trực tiếp chung	15.213.716.718	16.197.914.186
- Chi phí nhân viên	8.166.265.940	6.942.522.542
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	349.277.807	416.302.563
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.944.673.191	1.761.573.375
- Chi phí khác bằng tiền	4.753.499.780	7.077.515.706
	<b>75.431.424.677</b>	<b>334.178.313.365</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.707.639.538	8.885.292.726
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	525.002.861	661.716.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.491.264.857	2.187.387.870
Thuế, phí và lệ phí	134.245.001	49.808.000
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(16.095.952.160)	124.709.771.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.670.220.070	4.286.018.031
Chi phí khác bằng tiền	2.359.711.031	3.222.374.593
	<b>792.131.198</b>	<b>144.002.368.994</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.049.605.722	(382.229.391.900)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.194.906.528)	(17.544.830.904)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(21.194.906.528)	(17.544.830.904)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	9.854.699.194	(399.774.222.804)
Chuyển lỗ năm trước	(421.986.220.646)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(412.131.521.452)	(399.774.222.804)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(12.188.448.530)</b>	<b>(12.188.448.530)</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	31.049.605.722	(382.229.391.900)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.049.605.722	(382.229.391.900)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	99.845.000	99.845.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>311</b>	<b>(3.828)</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền	113.075.835.768	-	153.344.465.161	-
Phải thu khách hàng	335.000.000	-	351.500.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	561.367	-	-	-
Phải thu khác	548.301.477.717	(92.504.758.282)	518.792.022.291	(108.600.710.442)
Đầu tư ngắn hạn	731.063.971.596	(110.770.554.371)	546.879.387.725	(172.164.557.585)
Đầu tư dài hạn	66.900.000.000	(594.000.000)	66.900.000.000	(594.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.459.676.846.448</b>	<b>(203.869.312.653)</b>	<b>1.286.267.375.177</b>	<b>(281.359.268.027)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	290.000.000.000	250.000.000.000
Phải trả người bán	65.559.020	73.073.451
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.031.600	222.908.779
Phải trả khác	277.565.129.432	159.044.690.971
Chi phí phải trả	38.371.565.705	19.739.735.489
	<b>606.006.285.757</b>	<b>429.080.408.690</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>				
Vay và nợ	290.000.000.000	-	-	290.000.000.000
Phải trả người bán	65.559.020	-	-	65.559.020
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.031.600	-	-	4.031.600
Phải trả khác	277.565.129.432	-	-	277.565.129.432
Chi phí phải trả	38.371.565.705	-	-	38.371.565.705
<b>Cộng</b>	<b>606.006.285.757</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>606.006.285.757</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	250.000.000.000	-	-	250.000.000.000
Phải trả người bán	73.073.451	-	-	73.073.451
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	222.908.779	-	-	222.908.779
Phải trả khác	159.044.690.971	-	-	159.044.690.971
Chi phí phải trả	19.739.735.489	-	-	19.739.735.489
<b>Cộng</b>	<b>429.080.408.690</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>429.080.408.690</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Lĩnh vực khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	53.761.683.847	44.820.033.070	7.951.054.574	448.063.636	284.892.177	107.265.727.304
Chi phí trực tiếp	3.469.707.965	9.417.208.380	46.125.169.513	2.027.256.094	15.184.213.923	76.223.555.875
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50.291.975.882</b>	<b>35.402.824.690</b>	<b>(38.174.114.939)</b>	<b>(1.579.192.458)</b>	<b>(14.899.321.746)</b>	<b>31.042.171.429</b>
Tài sản bộ phận	542.339.057.864	772.812.142.501	14.472.762.793	103.528.033	-	1.329.727.491.191
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	54.469.131.594	54.469.131.594
<b>Tổng tài sản</b>				<b>103.528.033</b>	<b>54.469.131.594</b>	<b>1.384.196.622.785</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	274.661.502.820	-	327.718.982.845	10.659.233	-	602.391.144.898
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	7.464.532.563	7.464.532.563
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>10.659.233</b>	<b>7.464.532.563</b>	<b>609.855.677.461</b>

**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	96.451.370.671	7.117.328.300	3.697.028.333	107.265.727.304
Tài sản bộ phận	1.322.817.824.375	53.320.922.098	8.057.876.312	1.384.196.622.785
Nợ phải trả bộ phận	565.831.544.956	29.861.711.702	14.162.420.803	609.855.677.461



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,  
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

	Mã số	Phân loại và	Trình bày trên báo
		trình bày lại	cáo kỳ trước
		VND	VND
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10	161.747.622.671	33.110.393
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(404.940.231.640)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	566.654.743.918




**Trần Sỹ Tiên**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Đình Lợi**  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

